TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HS-PT
Ngày: 17-3-2022

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Ông Trần Quốc Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phượng- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Phước – Kiểm sát viên.

Các ngày 12 và 17 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 23/2021/TLPT-HS ngày 22 tháng 3 năm 2021, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hoàng D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị S, sinh năm 1964, tại Long An. Nơi cư trú: Ấp SĐ, thị trấn HN, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 2/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1939; Chồng Võ Hoàng S (đã ly hôn) và có 01 con chung sinh năm 1985; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có kháng cáo: Bà Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp TT, xã TL, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Khu vực A, thị trấn ĐH, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. (Có mặt)

2. Ông Sơn Ngọc H, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp B, xã ĐHĐ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. (Có mặt)

3. Ông Mai Kim A, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Ấp C, xã ĐHĐ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. (Có mặt)

- *Những người tham gia tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không triệu tập:*

1. Ông Lý Văn L, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Số 523, đường TKTQ, phường TQ, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Dương Thị Ánh Ng, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp HT 2, xã HH, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

3. Bà Lại Mộng T, sinh năm 1973. Nơi cư trú: ÔA, khu A, thị trấn HN, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

4. Ông Nguyễn Thái Ng, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp BL, xã TM, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

5. Ông Nguyễn Anh H1, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Ấp Ch, xã ĐLH, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

6. Ông Nguyễn Quang Th, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Số 78, ấp C, xã TM, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

7. Bà Nguyễn Thị Thanh H2, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Khu vực B, thị trấn ĐH, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

8. Ông Nguyễn Lê H3, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Ấp BT 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

9. Ông La Phước L, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp CH, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2005, bị cáo Nguyễn Thị S được Ủy ban nhân dân (Viết tắt UBND) huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt GCNQSDĐ) số AC767968 đối với thửa đất số 359, diện tích 298m^2, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp SĐ, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Sau đây gọi tắt là thửa đất 359).

Đến năm 2010, thông qua môi giới của ông Lê Văn H, ông Sơn Ngọc H và ông Mai Kim A, bị cáo S gặp và thoả thuận thế chấp GCNQSDĐ số AC767968 đối với thửa đất 359, cho ông D với giá 60.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng (theo lời khai của bị cáo S). Ngày 23-9-2010, bị cáo S và ông D đến Văn phòng công chứng (Viết tắt VPCC) Đức Hoà, ký kết hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 359 từ bị cáo S qua cho ông D, số công chứng của hợp đồng 5528, quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGĐ. Vợ ông D là bà Nguyễn Thị Thanh H2

đưa cho bị cáo S số tiền 56.400.000 đồng (nhưng trừ lãi suất 6% là 3.600.000 đồng). Bị cáo S trả 7.200.000 đồng tiền môi giới, còn lại 49.200.000 đồng, bị cáo S giữ lại, tiêu xài cá nhân hết. Bị cáo S có trả lãi suất cho ông D được một lần và không tiếp tục trả nữa.

Ngày 30-7-2019, ông D đến Chi nhánh VPĐKĐĐ tại huyện Đức Hoà, đăng ký biến động, đứng tên thửa đất 359 S tên ông D.

Ngày 08-8-2019, ông D và bà H2 đến VPCC ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 359 cho bà Nguyễn Hoàng D với giá 90.000.000 đồng, hợp đồng có số công chứng số 18535, quyển số 08TP/CC-SCC/HĐGD. Sau đó, bà D đã đăng ký biến động và được UBND huyện Đức Hòa cấp GCNQSDĐ số CU058135 đối với thửa đất 359, ngày 14-01-2020.

Về phía bị cáo S, sau khi chuyển nhượng thửa đất 359 cho ông D năm 2010. Đến 2011, bị cáo S thông qua bà Lại Mộng Tuyền làm hồ sơ báo mất GCNQSDĐ số AC767968 và xin cấp lại với số tiền công là 8.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo S được UBND huyện Đức Hòa cấp lại GCNQSDĐ số BE600001 ngày 28-6-2011 đối với thửa đất số 359.

Ngày 17-9-2019, do không có tiền tiêu xài nên bị cáo S thông qua môi giới của ông Nguyễn Quang Th thế chấp thửa đất số 359 cho bà Đặng Thị Thu V. Bà V và bị cáo S đến VPCC Lê Ngọc M ký hợp đồng uỷ quyền thửa đất 359 từ bị cáo S qua cho bà V, hợp đồng được chứng thực số 10752, quyển số 09TP/CC-SCC/HĐGD với giá 200.000.000 đồng, nhưng trừ 5% lãi suất (10.000.000 đồng) nên bị cáo S đã nhận của bà V 190.000.000 đồng. Bị cáo S trả tiền dịch vụ môi giới cho ông Th hết 25.000.000 đồng, còn lại 165.000.000 đồng, bị cáo S tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, bị cáo S không có tiền đóng tiền lãi và chuộc lại thửa đất 359, nên thoả thuận với bà V bán thửa đất 359 cho bà V với giá 250.000.000 đồng. Bà V khấu trừ số tiền lãi suất mà bị cáo S đã nợ, nên số tiền còn lại bà V trả cho bị cáo S là 5.000.000 đồng.

Đến ngày 16-12-2019, bà V đến VPCC Lê Ngọc M ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 359 cho bà Dương Thị Ánh Ng (số tiền chuyển nhượng ghi trên hợp đồng là 20.000.000 đồng để trốn tránh nghĩa vụ nộp thuế) với giá 390.000.000 đồng, hợp đồng được công chứng số 13887, quyển số 12/TP/CC-SCC/HĐGD.

Về phía bà Ng, sau khi ký xong hợp hợp đồng nhận chuyển nhượng thửa đất số 359, bà Ng đi kê khai đăng ký biến động và làm thủ tục S tên thì bị ngăn chặn. Bà Ng đã làm tố giác bị bà V lừa đảo chiếm đoạt số tiền 390.000.000 đồng gửi đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Hòa yêu cầu giải quyết.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 02/2021/HS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị S phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ: Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ: Điều 584, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị S 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

- Không chấp nhận yêu cầu của bị hại Đặng Thị Thu V yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị S trả lại số tiền 390.000.000 đồng, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo S trả lại cho bị hại V số tiền 300.000.000 đồng. Buộc bị cáo Nguyễn Thị S trả lại cho bị hại bà Đặng Thị Thu V số tiền 300.000.000 đồng.

- Ghi nhận sự thỏa thuận thuận giữa bị hại V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Ng. Buộc bị hại bà Đặng Thị Thu V trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Dương Thị Ánh Ng số tiền 390.000.000 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Quang Th nộp lại số tiền 25.000.000 đồng thu lợi bất chính sung vào ngân sách Nhà nước.

Về tang vật chứng: Tịch thu tiêu hủy GCNQSDĐ số BE 600001 cấp ngày 08 tháng 6 năm 2011 cho bị cáo S. Đồng thời, kiến nghị UBND huyện Đức Hòa thu hồi, hủy bỏ các Quyết định liên quan đến việc cấp GCNQSDĐ số BE 600001 cấp ngày 08 tháng 6 năm 2011 cho bị cáo S. Tang vật trên do Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đang quản lý theo biên bản giao nhận ngày 05-01-2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về quyền và thời hạn kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, bị cáo Nguyễn Thị S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, yêu cầu ông D cho bị cáo chuộc lại thửa đất số 359 và bị cáo sẽ trả lại ông D số tiền 60.000.000 đồng và lãi suất theo Ngân hàng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Hoàng D kháng cáo yêu cầu hủy Công văn số 174/CV-ĐCSKT ngày 24-02-2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa về việc tạm ngưng chứng thực, chuyển nhượng, đăng ký GCNQSDĐ số CU058135 ngày 14-01-2020 do UBND huyện Đức Hòa cấp cho bà Nguyễn Hoàng D.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Hoàng D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy Công văn số 174/CV-ĐCSKT ngày 24-02-2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa. Hiện tại thửa đất 359 được UBND huyện Đức Hòa cấp GCNQSDĐ với

diện tích là 298m^2 cấp cho bà D là loại đất thổ, bà D muốn chuyển nhượng lại cho người khác thì bị tạm ngưng chuyển nhượng. Bà D đã nhận đất ông D giao từ khi nhận chuyển nhượng cho đến nay, nhưng bà D cũng để đất trống.

Ông Nguyễn Ngọc D trình bày: Năm 2010, cho bị cáo S vay số tiền 60.000.000 đồng và bị cáo S có thế chấp cho ông bản chính GCNQSDĐ đối với thửa đất số 359 nhưng hai bên có đến VPCC ký hợp đồng chuyển nhượng với nhau nhằm để cho bị cáo S trả lãi suất cho ông D. Ngoài việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng, hai bên có thỏa thuận miệng với nhau, nếu sau 4-5 tháng bị cáo S không trả lãi suất thì coi như thửa đất này chuyển nhượng luôn cho ông D. Sau khi vay, bị cáo S chỉ trả lãi suất tháng đầu tiên, sau đó không trả lãi nữa, ông D nhiều lần đến nhà bị cáo S để đòi tiền lãi suất và tiền vốn vay nhưng không gặp được bị cáo S. Sau đó, ông D liên lạc với bị cáo S qua điện thoại, bị cáo S nói không có tiền trả ông D nên đồng ý chuyển nhượng luôn thửa đất này cho ông D. Kể từ thời điểm đó, ông D quản lý đất, thỉnh thoảng có đến xem đất. Lúc nhận thế chấp đất, ông D có đến xem đất thấy trên đất có ngôi nhà cấp 4, nay thì nhà không còn. Việc bị cáo S cớ mất GCNQSDĐ của bị cáo S đã giao cho ông D giữ, ông D hoàn toàn không biết và đến tháng 7-2019 ông D đến Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Đức Hòa làm thủ tục và được chỉnh lý đứng tên trên GCNQSDĐ của bị cáo S. Sau đó, vợ chồng ông D chuyển nhượng lại thửa đất này cho bà D với giá 90.000.000 đồng và cũng đã giao đất cho bà D luôn. Bị cáo S kháng cáo yêu cầu ông D cho chuộc lại đất và trả lại tiền vốn và lãi suất cho ông D, thì ông D không đồng ý.

Ông Sơn Ngọc H trình bày: Trước đây, ông Mai Kim A có hỏi ông H về việc có biết ai cho vay mà có cầm đất không, ông H biết ông D nên ông H giới thiệu cho ông A biết. Còn sau đó hai bên thực hiện thế nào ông H không biết.

Ông Mai Kim A trình bày: Thông qua ông H, ông A có giới thiệu cho bị cáo S vay tiền và thế chấp đất cho ông D, hai bên có đến VPCC ký hợp đồng chuyển nhượng đất với nhau, còn việc hai bên có thỏa thuận chuyển nhượng luôn hay không thì ông A không có chứng kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Bị cáo Nguyễn Thị S và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hoàng D kháng cáo đúng thời hạn và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên vụ án đủ điều kiện để xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Quá trình điều tra vụ án của cấp sơ thẩm, chưa điều tra làm rõ vì sao một thửa đất số 359, tờ bản đố số 2, diện tích 298m^2 đất tọa lạc tại ấp SĐ, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa lại được UBND huyện Đức Hòa cấp hai GCNQSDĐ cho hai người đứng tên; Cấp sơ thẩm, không đưa VPĐKĐĐ tại huyện Đức Hòa và UBND huyện Đức Hòa vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là thiếu sót và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Xét thấy, cấp sơ thẩm chưa điều tra đầy đủ và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào

điểm c khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng Hình sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về cấp sơ thẩm điều tra,b xét xử lại theo đúng quy định pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Hoàng D kháng cáo đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị S kháng cáo bản án sơ thẩm đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt bị cáo.

[3] Tại "Đơn tố cáo" đề ngày 14-02-2020 của bà Ng, bà Ng trình bày, thửa đất 359 bà Ng đã trực tiếp quản lý, sử dụng đất từ khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng với bà V; trong khi đó, ông D trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, ông là người quản lý đất từ khi bị cáo S chuyển nhượng cho ông và đã giao đất cho bà D khi chuyển nhượng lại cho bà D; còn bị cáo S khai tại phiên tòa sơ thẩm, thửa đất này bị cáo vẫn đang quản lý, sử dụng. Như vậy, lời khai của các bên có mâu thuẫn với nhau về ai là người quản lý sử dụng thửa đất 359 nhưng chưa được cấp sơ thẩm điều tra, xác minh đầy đủ, để làm rõ việc ông D, bà D, bà Ng hay bị cáo S ai mới thực sự là người trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất 359 trong khoảng thời gian từ năm 2010 cho đến khi vụ việc bị phát hiện. Như vậy, mới có đủ căn cứ để đánh giá chứng cứ một cách toàn diện và khách quan.

[4] Ngoài ra, án sơ thẩm còn giải quyết luôn về quan hệ dân sự giữa bà V với bà Ng là không đúng quy định của pháp luật. Bởi lẽ, ngoài số tiền bà Ng trả cho bà V khi nhận chuyển nhượng đất với nhau, hai bên còn ký kết với nhau hợp đồng chuyển nhượng đất tại VPCC và bà V ký tên chuyển nhượng đất cho bà Ng thông qua Hợp đồng ủy quyền giữa bị cáo S với bà V. Vì vậy, phần dân sự này phải tách ra để xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự, khi đương sự có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, thì giải quyết đầy đủ, toàn diện các quan hệ pháp luật tranh chấp có liên quan.

[5] Về xử lý tang vật: Đối với GCNQSDĐ số BE 600001 do UBND huyện Đức Hòa cấp ngày 08 tháng 6 năm 2011 cho bị cáo S đứng tên là vật chứng cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án, nhưng án sơ thẩm tuyên hủy là không đúng.

[6] Xét thấy, cấp sơ thẩm chưa điều tra, thu thập đầy đủ chứng cứ và xét xử chưa đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An về giải quyết vụ án, hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Toà án nhân dân

huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An điều tra, xét xử lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của bị cáo S và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà D không được xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị S và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Hoàng D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để điều tra, xét xử lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị S và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Hoàng D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- VKSND huyện;
- CQĐT Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thiện Tâm